TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đăng**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Ông **Nguyễn Hưng**
2. Bà **Mai Thị Hà**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lâm Thị Hoà Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:*** Bà **Lương Thị Huệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 25/3/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 19/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Số 201 – 203 đường Cánh Mạng Tháng Tám, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Q T – Chủ tịch hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ng T – Tổng giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền số 1217/2018/UQQT-NHNA ngày 11/5/2018). Ông T uỷ quyền lại cho ông Lê Q Q – Phó tổng giám đốc và ông Đặng V H – Giám đốc khối quản lý rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á. (Theo Giấy ủy quyền số 103/2018/UQ-NHNA-06 ngày 11/5/2018). Ông H ủy quyền lại cho Nguyễn Đ H Th - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Chi nhánh Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền số 148/2018/UQ-NHNA-06 ngày 26/6/2018) và Ông Đạo A T – Trưởng phòng kinh doanh chi nhánh Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền số 149/2018/UQ-NHNA-06 ngày 26/6/2018) (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn V H, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp Ph H, Ph M, T Ph, T G và Bà Lê Th Th H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn G S, xã B Ph, huyện Th B, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đạo A T trình bày: Ngày 18/10/2017, vợ chồng ông Nguyễn V H, bà Lê Th Th H có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh Ninh Thuận (*gọi tắt là Ngân hàng*) số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1749/2017/414-CV. Cụ thể như sau: Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời gian vay: 60 tháng; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Lãi suất vay: 11,5%/năm; Kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng; Số tiền trả nợ hàng tháng: Số tiền gốc cộng với tiền lãi phát sinh tuỳ thời điểm. Sau khi vay vợ chồng ông H, bà H đã trả nợ gốc là 24.234.000 đồng; trả nợ lãi là 17.075.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông H, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần gửi các văn bản thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn cho vợ chồng ông H, bà H tuy nhiên vợ chồng ông H, bà H cố tình giấu địa chỉ, không làm việc, không hợp tác với Ngân hàng trong việc trả nợ vay. Hiện tại khoản vay của vợ chồng ông H, bà H được xác định là nợ xấu theo quy định tại Điều 3 phụ lục về xác định nợ xấu ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc buộc vợ chồng ông H, bà H có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 86.140.000 đồng. Cụ thể: Số tiền gốc: 75.766.000 đồng, số tiền lãi: 10.374.000 đồng. Buộc vợ chồng ông H, bà H phải tiếp tục trả lãi, phí phạt chậm trả phát sinh đối với số nợ trên tính từ ngày 24/9/2020 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất, mức phí đã thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1286/2017/414-BĐ ngày 18/10/2017 giữa ngân hàng và vợ chồng ông H, bà H để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền 86.140.000 đồng. Cụ thể: Số tiền gốc: 75.766.000 đồng, số tiền lãi: 10.374.000 đồng. Buộc vợ chồng ông H, bà H phải tiếp tục trả lãi, phí phạt chậm trả phát sinh đối với số nợ trên tính từ ngày 24/9/2020 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất, mức phí đã thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1286/2017/414-BĐ ngày 18/10/2017 giữa ngân hàng và vợ

chồng ông H, bà H để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Nguyễn V H, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp Ph H, Ph M, T P, T G và bà Lê Th Th H, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn G S, xã B Ph, huyện Th B, tỉnh N Th về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 1749/2017/414-CV, ký ngày 18/10/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H, bà H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự (*Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng*). Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (*Kinh doanh ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ...*) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Hợp đồng tín dụng số 1749/2017/414-CV, ký ngày 18/10/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H, bà H trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm. Do vậy, có căn cứ khẳng định vợ chồng ông H, bà H có vay Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay vợ chồng ông H, bà H đã trả nợ gốc là 24.234.000 đồng; trả nợ lãi là 17.075.000 đồng. Hiện còn nợ số tiền 86.140.000 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020). Cụ thể: Số tiền gốc: 75.766.000 đồng, số tiền lãi: 10.374.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H, bà H phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi như trên. HĐXX xét thấy, quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vay của vợ chồng ông H, bà H đã vi phạm cam kết đã thỏa thuận giữa các bên. Do vợ chồng ông H, bà H chỉ trả nợ gốc là 24.234.000 đồng; trả nợ lãi là 17.075.000 đồng, sau đó không trả bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần. Vì vậy, HĐXX căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng ông H, bà H trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 86.140.000 đồng (*tạm tính đến ngày 24/9/2020*). Cụ thể: Số tiền gốc: 75.766.000 đồng, số tiền lãi: 10.374.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc vợ chồng ông H, bà H phải tiếp tục trả lãi, phí phạt chậm trả phát sinh đối với số nợ trên tính từ ngày 24/9/2020 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất, mức phí đã thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 1286/2017/414-BĐ ngày 18/10/2017 giữa ngân hàng và vợ chồng ông H, bà H để bảo đảm thi hành án. Xét thấy, đề nghị này của Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật, có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn vợ chồng ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn V H và bà Lê Th Th H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn V H và bà Lê Th Th H phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 86.140.000 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020). Cụ thể: Số tiền gốc: 75.766.000 đồng, số tiền lãi: 10.374.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông Hường, bà Huyền phải tiếp tục trả cho Ngân hàng lãi, phí phạt chậm trả phát sinh đối với số nợ trên tính từ ngày 24/9/2020 đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất, mức phí đã thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 1286/2017/414-BĐ ngày 18/10/2017 giữa ngân hàng và vợ chồng ông Hường, bà Huyền để bảo đảm thi hành án

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á chi nhánh Ninh Thuận có đơn yêu cầu thi hành án mà vợ chồng ông H, bà H chậm trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng, thì vợ chồng ông H, bà H phải trả lãi đối với số tiền trả chậm trên theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1749/2017/414-CV ký kết ngày 18/10/2017 cho đến khi trả hoàn tất nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn V H và bà Lê Th Th H phải chịu (86.140.000 đồng x 5%) = 4.307.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 1.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019595, ngày 25/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Chi Cục THA huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng